



# AISC

Auditing and Informatic Services Company Limited

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

*Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021*

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC**

## MỤC LỤC

---- oOo ----

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01-02
2. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04-05
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	06
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	07
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	08-29

---

# CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HUNG PHÁT HÀ BẮC

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Ban Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021.

### 1. Thông tin chung về Công ty:

#### Thành lập:

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400395807, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 25 tháng 3 năm 2016.

#### Hình thức sở hữu vốn:

Công ty là công ty cổ phần.

#### Hoạt động kinh doanh của Công ty:

Sản xuất công nghiệp.

**Tên tiếng anh:** HA BAC HUNG PHAT CHEMICAL JOINT STOCK COMPANY

**Tên viết tắt:** HPCO

**Mã chứng khoán:** HPH (UpCom)

**Trụ sở chính:** Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

### 2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

### 3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

#### Hội đồng Quản trị

Ông	Chu Anh Dũng	Chủ tịch
Ông	Đoàn Như Thương	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 23/4/2021)
Ông	Phạm Hoàng Hưng	Ủy viên
Ông	Nguyễn Minh Toàn	Ủy viên
Bà	Nguyễn Thị Thanh Vân	Ủy viên
Ông	Nguyễn Tổng Luận	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 23/4/2021)

#### Ban Kiểm soát

Bà	Nguyễn Thu Nga	Trưởng ban
Ông	Lê Thanh Hiếu	Thành viên
Ông	Bùi Anh Tuấn	Thành viên

#### Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Phạm Hoàng Hưng	Giám đốc
Ông	Nguyễn Thế Hùng	Phó Giám đốc
Bà	Thân Thị Hà	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Ông	Phạm Hoàng Hưng	Giám đốc
-----	-----------------	----------

# CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

### 4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp. HCM (“AISC”) được chỉ định là kiểm toán viên cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021.

### 5. Cam kết của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### 6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2021

Thay mặt Ban Giám đốc



**Phạm Hoàng Hưng**

Giám đốc



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**  
Auditing And Informatic Services Company Limited  
**Head Office:** 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City  
Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines) Fax: (84.28) 3834 2957  
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn

Số: B0721040-R/AISHN-TC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:**

**QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HUNG PHÁT HÀ BẮC**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 07 năm 2021, từ trang 04 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

*Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2021*

**PHÓ GIÁM ĐỐC**

CHI NHÁNH  
CÔNG TY TNHH  
KIỂM TOÁN  
VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC  
TP. HỒ CHÍ MINH  
HÀ BA TRUNG - TP. HÀ NỘI

**VŨ KHẮC CHUYỀN**

Số Giấy CNĐKHNKT: 0160-2018-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Branch in Ha Noi: 6 Floor, 36 Hoa Binh 4 Str., Minh Khai Ward, Hai Ba Trung Dist., Ha Noi  
Branch in Da Nang: 350 Hai Phong St., Thanh Khe Dist., Da Nang City  
Representative in Can Tho: P9019 - A 200 Nguyen Hien St., Ninh Kieu Dist., Can Tho City  
Representative in Hai Phong: 18 Hoang Van Thu St., Hong Bang Dist., Hai Phong

Tel: (84.24) 3782 0048  
Tel: (84.236) 3747 619  
Tel: (84.28) 3832 9129  
Tel: (84.24) 3782 0045

Fax: (84.24) 3782 0048  
Fax: (84.236) 3747 620  
Fax: (84.28) 3834 2957  
Fax: (84.24) 3782 0048

Email: hanoi@aisc.com.vn  
Email: danang@aisc.com.vn  
Email: cantho@aisc.com.vn  
Email: haiphong@aisc.com.vn

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>31.773.827.904</b>	<b>33.532.774.787</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>15.704.760.963</b>	<b>21.234.421.670</b>
1. Tiền	111	*	9.009.192.576	14.634.693.038
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.695.568.387	6.599.728.632
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.841.803.961</b>	<b>3.265.803.669</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	4.327.898.000	2.877.042.700
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	195.578.365	148.262.501
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	318.327.596	240.498.468
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>10.807.492.041</b>	<b>8.646.548.082</b>
1. Hàng tồn kho	141		10.807.492.041	8.646.548.082
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>419.770.939</b>	<b>386.001.366</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	419.770.939	386.001.366
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>103.293.143.297</b>	<b>112.423.929.779</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>101.103.675.430</b>	<b>107.586.345.502</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	101.103.675.430	107.586.345.502
- Nguyên giá	222		205.722.266.960	205.722.266.960
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(104.618.591.530)	(98.135.921.458)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.189.467.867</b>	<b>4.837.584.277</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	2.189.467.867	4.837.584.277
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>135.066.971.201</b>	<b>145.956.704.566</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mẫu số B 01 - DN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021	01/01/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>36.759.986.244</b>	<b>45.684.788.481</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8.280.981.096</b>	<b>8.527.113.926</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.8	3.122.117.998	2.278.897.960
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	38.208.890	57.769.490
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	-	311.667.073
4. Phải trả người lao động	314		125.222.633	950.462.928
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	126.393.923	128.847.923
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	1.064.867.352	2.945.520.552
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	1.748.218.800	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.055.951.500	1.853.948.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>28.479.005.148</b>	<b>37.157.674.555</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	28.479.005.148	37.157.674.555
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>98.306.984.957</b>	<b>100.271.916.085</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>98.306.984.957</b>	<b>100.271.916.085</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		84.000.000.000	84.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		84.000.000.000	84.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.385.990.951	9.385.990.951
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.920.994.006	6.885.925.134
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.127.197.634	5.297.770.540
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.206.203.628)	1.588.154.594
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>135.066.971.201</b>	<b>145.956.704.566</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

**Đặng Thị Mai Hương**

KẾ TOÁN TRƯỞNG

**Thân Thị Hà**



GIÁM ĐỐC

**Phạm Hoàng Hưng**



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HÙNG PHÁT HÀ BẮC  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Mẫu số B 02 - DN

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	30.827.809.181	35.199.431.588
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		30.827.809.181	35.199.431.588
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	28.711.699.261	29.088.831.098
<b>4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>2.116.109.920</b>	<b>6.110.600.490</b>
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	234.035.594	844.789.677
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	926.819.690	2.357.557.435
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		926.819.690	1.509.439.383
7. Chi phí bán hàng	25	VI.5	483.550.851	377.547.473
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.173.484.564	2.748.262.169
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))</b>	<b>30</b>		<b>(1.233.709.591)</b>	<b>1.472.023.090</b>
10. Thu nhập khác	31		27.505.963	326.400
<b>11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>27.505.963</b>	<b>326.400</b>
<b>12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(1.206.203.628)</b>	<b>1.472.349.490</b>
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	-	303.669.898
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>(1.206.203.628)</b>	<b>1.168.679.592</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.8</b>	<b>(144)</b>	<b>139</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đặng Thị Mai Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thân Thị Hà



Phạm Hoàng Hưng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(1.206.203.628)	1.472.349.490
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.11-14	6.482.670.072	6.482.670.072
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(132.343.657)	848.118.052
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(101.691.937)	(844.789.677)
- Chi phí lãi vay	06	VI.6	926.819.690	1.509.439.383
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		<b>5.969.250.540</b>	<b>9.467.787.320</b>
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(1.609.769.865)	1.019.436.693
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(2.160.943.959)	(4.693.991.475)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(2.238.482.455)	1.982.330.349
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		2.648.116.410	2.648.116.409
- Tiền lãi vay đã trả	14		(926.819.690)	(1.472.430.738)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(626.134.927)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(512.349.000)	(527.188.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.169.001.981</b>	<b>7.797.925.631</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		101.691.937	815.680.082
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>101.691.937</b>	<b>815.680.082</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(6.798.106.950)	(7.263.105.038)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.247.675)	(128.903.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(6.800.354.625)</b>	<b>(7.392.008.538)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(5.529.660.707)</b>	<b>1.221.597.175</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		21.234.421.670	9.925.551.263
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	<b>15.704.760.963</b>	<b>11.147.148.438</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đặng Thị Mai Hương

Thân Thị Hà



Phạm Hoàng Hưng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Thành lập:**

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400395807, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 25 tháng 3 năm 2016.

**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty là công ty cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh:**

Sản xuất công nghiệp.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi các loại hàng hóa;
- Sản xuất hoá chất cơ bản;
- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm hóa chất và phân bón, nguyên vật liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, máy móc thiết bị và các mặt hàng mà công ty kinh doanh;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.

**Tên tiếng anh:** HA BAC HUNG PHAT CHEMICAL JOINT STOCK COMPANY

**Tên viết tắt:** HPCO

**Mã chứng khoán:** HPH (UpCom)

**Trụ sở chính:** Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hằng năm.

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:**

Không có.

**6. Tổng số nhân viên đến ngày 30 tháng 6 năm 2021: 56 nhân viên.**

(Ngày 31 tháng 12 năm 2020: 60 nhân viên)

**7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC được Bộ Tài Chính ban hành ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

**Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế**

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán**

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

**Các khoản tương đương tiền** bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

**Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:**

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính/mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Theo giá bình quân gia quyền.

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

11/3/2021 - C - K - A - /

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):****5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

*Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

**5.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

*Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:*

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	<i>06 - 50 năm</i>
<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>06 - 15 năm</i>
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>06 - 10 năm</i>
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>05 - 05 năm</i>
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>Thời hạn tối đa 20 năm</i>

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm xe, bảo hiểm tài sản...); công cụ dụng cụ; chi phí sửa chữa TSCĐ ...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**7. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

**8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận là tổng số tiền phải trả tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

**9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

Chi phí phải trả bao gồm chi phí lãi vay, chi phí sửa chữa lớn, chi phí hỗ trợ vận chuyển cho khách hàng ... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận,...

**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

**Chi phí tài chính bao gồm:** Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán.; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

**15. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**16. Công cụ tài chính:****Ghi nhận ban đầu:****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**17. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**18. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Do doanh thu trong năm của Công ty chủ yếu từ sản xuất và kinh doanh hóa chất và phát sinh trên địa bàn tỉnh Bắc Giang nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/6/2021	01/01/2021
<b>Tiền</b>	<b>9.009.192.576</b>	<b>14.634.693.038</b>
Tiền mặt	323.016.020	152.831.168
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.686.176.556	14.481.861.870
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>6.695.568.387</b>	<b>6.599.728.632</b>
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	6.695.568.387	6.599.728.632
<b>Cộng</b>	<b>15.704.760.963</b>	<b>21.234.421.670</b>

(\*) Đây là khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Giang có kỳ hạn 2 tháng, lãi suất 3%/năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Phải thu của khách hàng	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>4.327.898.000</b>	-	<b>2.877.042.700</b>	-
Công ty CP Khí Công nghiệp Long Biên	1.144.403.600	-	214.076.800	-
Công ty TNHH Công nghệ Hóa chất và Môi trường Vũ Hoàng	1.098.455.600	-	1.299.708.300	-
Công ty TNHH Bảo Sơn Bắc Giang	927.234.400	-	12.000.000	-
Công ty TNHH Hóa chất và Môi trường Vũ Hoàng	762.220.200	-	832.889.300	-
Công ty TNHH MTV Hóa Cảnh	395.584.200	-	470.342.300	-
Chi nhánh Công ty TNHH Hóa chất Tân Phú Cường - Chi nhánh Hưng Yên	-	-	48.026.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.327.898.000</b>	-	<b>2.877.042.700</b>	-
<b>3. Trả trước cho người bán</b>	<b>30/6/2021</b>		<b>01/01/2021</b>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>195.578.365</b>	-	<b>148.262.501</b>	-
Công ty CP Công nghệ Nano ứng dụng	184.800.000	-	148.262.400	-
Công ty CP Thiết bị Công nghệ Hóa chất Tam Sơn	7.636.500	-	-	-
Công ty CP Công nghiệp và Thương mại Đông Nam	3.141.765	-	-	-
Các đối tượng khác	100	-	101	-
<b>Cộng</b>	<b>195.578.365</b>	-	<b>148.262.501</b>	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Phải thu khác	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>318.327.596</b>	-	<b>240.498.468</b>	-
Phai thu về lãi tiền gửi	14.895.347	-	21.155.295	-
Tạm ứng	256.550.000	-	193.700.000	-
Ký cược, ký quỹ	1.500.000	-	1.500.000	-
Phải thu khác	45.382.249	-	24.143.173	-
<b>Cộng</b>	<b>318.327.596</b>	-	<b>240.498.468</b>	-
<b>5. Hàng tồn kho</b>	<b>30/6/2021</b>		<b>01/01/2021</b>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.565.086.021	-	5.302.806.459	-
Công cụ, dụng cụ	57.837.000	-	57.837.000	-
Thành phẩm	4.184.569.020	-	3.285.904.623	-
<b>Cộng</b>	<b>10.807.492.041</b>	-	<b>8.646.548.082</b>	-

12/09/2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**6. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Số dư đầu năm		26.054.643.113	179.120.360.211	345.454.545	201.809.091	205.722.266.960
Số dư cuối năm		26.054.643.113	179.120.360.211	345.454.545	201.809.091	205.722.266.960
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm		8.228.283.076	89.376.226.398	345.454.545	185.957.439	98.135.921.458
<i>Khấu hao trong năm</i>		503.799.366	5.975.700.540	-	3.170.166	6.482.670.072
Số dư cuối năm		8.732.082.442	95.351.926.938	345.454.545	189.127.605	104.618.591.530
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm		17.826.360.037	89.744.133.813	-	15.851.652	107.586.345.502
Số dư cuối năm		17.322.560.671	83.768.433.273	-	12.681.486	101.103.675.430

\* Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 100.774.992.151 VND.

\* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 616.290.909 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Chi phí trả trước		30/6/2021	01/01/2021		
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>		<b>2.189.467.867</b>	<b>4.837.584.277</b>		
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định		2.189.467.867	4.837.584.277		
<b>Cộng</b>		<b>2.189.467.867</b>	<b>4.837.584.277</b>		
8. Phải trả người bán		30/6/2021	01/01/2021		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>a. Ngắn hạn</b>		<b>3.122.117.998</b>	<b>3.122.117.998</b>	<b>2.278.897.960</b>	<b>2.278.897.960</b>
Công ty CP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc		3.093.990.999	3.093.990.999	2.278.897.960	2.278.897.960
Công ty CP Thương mại và Du lịch Lạng Sơn		28.126.999	28.126.999	-	-
<b>Cộng</b>		<b>3.122.117.998</b>	<b>3.122.117.998</b>	<b>2.278.897.960</b>	<b>2.278.897.960</b>
<b>b. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>					
Công ty CP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc		3.093.990.999	3.093.990.999	2.278.897.960	2.278.897.960
<b>Cộng</b>		<b>3.093.990.999</b>	<b>3.093.990.999</b>	<b>2.278.897.960</b>	<b>2.278.897.960</b>
9. Người mua trả tiền trước		30/6/2021	01/01/2021		
<b>a. Ngắn hạn</b>		<b>38.208.890</b>	<b>57.769.490</b>		
Công ty TNHH Vật liệu chịu lửa Việt Nam		22.080.000	22.080.000		
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Trang Anh		10.215.700	-		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ý Cường Thịnh		-	29.101.200		
Các đối tượng khác		5.913.190	6.588.290		
<b>Cộng</b>		<b>38.208.890</b>	<b>57.769.490</b>		
10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/6/2021
<b>a. Phải nộp</b>					
Thuế giá trị gia tăng		309.630.318	1.024.058.241	1.333.688.559	-
Thuế thu nhập cá nhân		2.036.755	24.425.738	26.462.493	-
Lệ phí môn bài		-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>		<b>311.667.073</b>	<b>1.051.483.979</b>	<b>1.363.151.052</b>	<b>-</b>
<b>b. Phải thu</b>					
Thuế giá trị gia tăng		-	-	65.207.504	65.207.504
Thuế thu nhập doanh nghiệp		73.881.810	-	-	73.881.810
Thuế thu nhập cá nhân		-	-	16.630.306	16.630.306
Tiền thuê đất		312.119.556	48.068.237	-	264.051.319
<b>Cộng</b>		<b>386.001.366</b>	<b>48.068.237</b>	<b>81.837.810</b>	<b>419.770.939</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	<b>30/6/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
<b>11. Chi phí phải trả</b>		
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>126.393.923</b>	<b>128.847.923</b>
Trích trước chi phí hỗ trợ vận chuyển	78.600.000	81.054.000
Trích trước chi phí bảo vệ	21.000.000	21.000.000
Trích trước chi phí lãi vay	26.793.923	26.793.923
<b>Cộng</b>	<b>126.393.923</b>	<b>128.847.923</b>
<b>12. Phải trả khác</b>	<b>30/6/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	73.562.994	62.148.094
Bảo hiểm xã hội	148.706	148.706
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	610.397.340	1.788.582.840
Nguyên liệu, vật tư chưa có hóa đơn	144.343.550	896.001.150
Quỹ khen thưởng Ban Giám đốc và các quỹ công đoàn	61.653.976	61.653.976
Quỹ thưởng Ban điều hành	86.625.544	42.250.544
Thù lao HDQT, BKS, thư ký HDQT	73.257.524	77.757.524
Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.877.718	16.977.718
<b>Cộng</b>	<b>1.064.867.352</b>	<b>2.945.520.552</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**13. Vay và nợ thuê tài chính**

	30/06/2021			01/01/2021		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>1.748.218.800</b>	<b>1.748.218.800</b>	<b>1.748.218.800</b>	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	1.748.218.800	1.748.218.800	1.748.218.800	-	-	-
<b>b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>28.479.005.148</b>	<b>28.479.005.148</b>	<b>(1.748.218.800)</b>	<b>6.930.450.607</b>	<b>37.157.674.555</b>	<b>37.157.674.555</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang	13.094.633.468	13.094.633.468	-	5.104.650.627	18.199.284.095	18.199.284.095
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Giang	17.132.590.480	17.132.590.480	-	1.825.799.980	18.958.390.460	18.958.390.460
Vay dài hạn đến hạn trả	(1.748.218.800)	(1.748.218.800)	(1.748.218.800)	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>30.227.223.948</b>	<b>30.227.223.948</b>	<b>-</b>	<b>6.930.450.607</b>	<b>37.157.674.555</b>	<b>37.157.674.555</b>

**Thuyết minh chi tiết vay các khoản vay ngắn hạn**

Stt	Số hợp đồng	Hạn mức	Lãi suất	Số dư (USD)	Quy đổi (VNĐ)	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
<b>Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang</b>							
1	Hợp đồng số 0001-018-01/HDTĐ ngày 15/7/2010	1.503.879 USD	7%/năm	566.671 USD	13.094.633.468	Thanh toán công nợ cho nhà thầu thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình dây chuyền sản xuất Hydrogen Peroxide công suất 10.000 tấn/năm.	Tài sản được hình thành trong tương lai từ vốn vay, vốn tự có thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình dây chuyền sản xuất Hydrogen Peroxide công suất 10.000 tấn/năm.
<b>Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Giang</b>							
2	Hợp đồng số 01/10/DTDA/BG ngày 15/7/2010	1.610.924 USD	6,5%/năm	741.029 USD	17.132.590.480	Thanh toán công nợ cho nhà thầu thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình dây chuyền sản xuất Hydrogen Peroxide công suất 10.000 tấn/năm.	Tài sản được hình thành trong tương lai từ vốn vay, vốn tự có thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình dây chuyền sản xuất Hydrogen Peroxide công suất 10.000 tấn/năm.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**14. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	84.000.000.000	8.489.879.039	7.815.544.452	100.305.423.491
Lợi nhuận	-	-	1.168.679.592	1.168.679.592
Phân phối lợi nhuận	-	896.111.912	(2.517.773.912)	(1.621.662.000)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2020</b>	<b>84.000.000.000</b>	<b>9.385.990.951</b>	<b>6.466.450.132</b>	<b>99.852.441.083</b>
Số dư đầu năm nay	84.000.000.000	9.385.990.951	6.885.925.134	100.271.916.085
Lợi nhuận	-	-	(1.206.203.628)	(1.206.203.628)
Phân phối lợi nhuận	-	-	(758.727.500)	(758.727.500)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2021</b>	<b>84.000.000.000</b>	<b>9.385.990.951</b>	<b>4.920.994.006</b>	<b>98.306.984.957</b>

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ vốn góp	30/6/2021	01/01/2021
Công ty CP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	64,56%	54.230.000.000	54.230.000.000
Công ty CP Xuất nhập khẩu Hà Anh	11,90%	9.998.000.000	9.998.000.000
Công ty CP Hóa chất Công nghiệp Tân Long	6,67%	5.600.000.000	5.600.000.000
Các cổ đông khác	16,87%	14.172.000.000	14.172.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>84.000.000.000</b>	<b>84.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	84.000.000.000	84.000.000.000
Vốn góp cuối kỳ	84.000.000.000	84.000.000.000

**d. Cổ phiếu**

	30/6/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.400.000	8.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.400.000	8.400.000
Cổ phiếu phổ thông	8.400.000	8.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.400.000	8.400.000
Cổ phiếu phổ thông	8.400.000	8.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	30/6/2021	01/01/2021
Quỹ đầu tư phát triển	9.385.990.951	9.385.990.951
<b>Cộng</b>	<b>9.385.990.951</b>	<b>9.385.990.951</b>

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại Phường Thọ Xương, Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh từ năm 2010 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là 14.623,2 m<sup>2</sup>. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<b>a. Doanh thu</b>		
Doanh thu bán thành phẩm	30.827.809.181	35.199.431.588
<b>Cộng</b>	<b>30.827.809.181</b>	<b>35.199.431.588</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn của thành phẩm đã bán	28.711.699.261	29.088.831.098
<b>Cộng</b>	<b>28.711.699.261</b>	<b>29.088.831.098</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	101.691.937	844.789.677
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	132.343.657	-
<b>Cộng</b>	<b>234.035.594</b>	<b>844.789.677</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
Lãi tiền vay	926.819.690	1.509.439.383
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	848.118.052
<b>Cộng</b>	<b>926.819.690</b>	<b>2.357.557.435</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
<b>5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
<b>a. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	163.516.851	124.042.073
Chi phí dịch vụ mua ngoài	320.034.000	253.505.400
<b>Cộng</b>	<b>483.550.851</b>	<b>377.547.473</b>
<b>b. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	1.347.897.900	1.751.859.821
Chi phí vật liệu, bao bì	23.859.878	21.175.402
Chi phí khấu hao TSCĐ	67.976.622	71.146.878
Thuế, phí, lệ phí	51.068.237	131.334.222
Chi phí dịch vụ mua ngoài	240.234.919	222.719.545
Chi phí bằng tiền khác	442.447.008	550.026.301
<b>Cộng</b>	<b>2.173.484.564</b>	<b>2.748.262.169</b>
<b>6. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.413.670.641	21.538.620.322
Chi phí nhân công	3.627.857.786	3.654.459.259
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.482.670.072	6.482.670.072
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.231.985.329	4.647.934.860
Chi phí khác bằng tiền	511.215.245	681.360.523
<b>Cộng</b>	<b>32.267.399.073</b>	<b>37.005.045.036</b>
<b>7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
<b>1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(1.206.203.628)</b>	<b>1.472.349.490</b>
<b>2. Các khoản điều chỉnh tăng/giảm</b>	<b>54.000.000</b>	<b>46.000.000</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	54.000.000	46.000.000
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	-	-
<i>Thù lao HĐQT không điều hành trực tiếp</i>	54.000.000	46.000.000
<b>3. Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>(1.152.203.628)</b>	<b>1.518.349.490</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>4. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>303.669.898</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.206.203.628)	1.168.679.592
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.206.203.628)	1.168.679.592
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.400.000	8.400.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(144)</b>	<b>139</b>

**9. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**9.1 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	<i>Tăng/ giảm điểm cơ bản</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
<b>Năm nay</b>		
VND	+/-200	314.095.219
Ngoại tệ (USD)	+/-200	(604.544.479)
<b>Năm trước</b>		
VND	+/-200	424.688.433
Ngoại tệ (USD)	+/-200	(743.153.491)

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**9.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)****Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền mặt, TGNH và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của ngoại tệ được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Công ty là không đáng kể.

	Thay đổi tỷ giá USD	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm nay	+1%	(302.272.239)
	-1%	302.272.239
Năm trước	+1%	(371.576.746)
	-1%	371.576.746

**9.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**9.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Các khoản vay và nợ	1.748.218.800	28.479.005.148	-	30.227.223.948
Phải trả người bán	3.122.117.998	-	-	3.122.117.998
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	896.012.531	-	-	896.012.531
<b>Cộng</b>	<b>5.766.349.329</b>	<b>28.479.005.148</b>	<b>-</b>	<b>34.245.354.477</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>				
Các khoản vay và nợ	-	37.157.674.555	-	37.157.674.555
Phải trả người bán	2.278.897.960	-	-	2.278.897.960
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	3.074.368.475	-	-	3.074.368.475
<b>Cộng</b>	<b>5.353.266.435</b>	<b>37.157.674.555</b>	<b>-</b>	<b>42.510.940.990</b>

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty đã sử dụng một phần máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Xem Thuyết minh Vay và nợ thuê tài chính).

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**10. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá thị trường.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/6/2021	31/12/2020	30/6/2021	31/12/2020
<b>Tài sản tài chính</b>				
- Phải thu khách hàng	4.327.898.000	-	2.877.042.700	-
- Phải thu khác	61.777.596	-	240.498.468	-
- Tiền và các khoản tương đương tiền	15.704.760.963	-	21.234.421.670	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.094.436.559</b>	<b>-</b>	<b>24.351.962.838</b>	<b>-</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
- Vay và nợ	30.227.223.948	-	37.157.674.555	-
- Phải trả người bán	3.122.117.998	-	2.278.897.960	-
- Chi phí phải trả	126.393.923	-	128.847.923	-
- Phải trả khác	769.618.608	-	2.945.520.552	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>34.245.354.477</b>	<b>-</b>	<b>42.510.940.990</b>	<b>-</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****1. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(6.798.106.950)	(7.263.105.038)
<b>Cộng</b>	<b>(6.798.106.950)</b>	<b>(7.263.105.038)</b>

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan**

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm phải thu (phải trả)
Công ty CP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Công ty mẹ	Mua hàng	13.131.415.286	(3.093.990.999)
			<b>6 tháng đầu năm 2021</b>	<b>6 tháng đầu năm 2020</b>
+ Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc			506.008.746	457.500.168
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc			506.008.746	457.500.168
<b>Cộng</b>			<b>506.008.746</b>	<b>457.500.168</b>

**2. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2021 trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và 6 tháng đầu năm 2020 trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

**3. Thông tin về hoạt động liên tục:** Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đặng Thị Mai Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Thân Thị Hà

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2021



GIÁM ĐỐC

Phạm Hoàng Hưng